



Nguyễn Hà Thanh
sinh 21-2-1940
tại Mỹ Tho

Nguyễn Đình Dân
sinh: 26/10/1973
tại Saigon

Nguyễn Đình Đức
sinh: 25/8/1972
tại Saigon

Nguyễn Thị Ngọc Tú
sinh 6/10/1944
tại Văn Nam

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

IV # 052727POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

VEWL.# _____

I-171 : Yes ☒ NoEXIT VISA: Yes ☒ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HA THANH
Last Middle First

Current Address 63/20 PHAM VAN TRI - BINH THAIH HOCHIMINH CITY, VIETNAMDate of Birth Feb. 21st 1940 Place of Birth THANH HOA MY THO

Previous Occupation (before 1975) MAGISTRATE AT GIA DINH COURT (SAIGON)
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 14th Jul 1975 To 21st JAN 1982SPONSOR'S NAME: NGUYEN THI LE SUONG
Name

SAN JOSE CA
Address & Telephone

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
<u>NGUYEN VAN HAI</u> <u>SAN JOSE CA</u>	<u>BROTHER</u>
<u>THAI THANH LONG</u> <u>SAN FRANCISCO CA</u>	<u>BROTHER</u>
<u>TRAN VAN LIEM</u> <u>Watertown MASS.</u>	<u>UNCLE</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 10th APRIL 1989

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN HA THANH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyễn Thị Đức Tú	6 Oct 1944	Wife
Nguyễn Đình Quốc	25 Aug. 1972	Son
Nguyễn Đình Dân	26 Oct. 1973	Son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION : Nguyễn Thị Đức Tú was an ex-personnel of Military Assistance Command, Vietnam, VMAA Adv - Adv. Ton 26 APO 96 204 in Dalat.

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN HÀ THANH
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 2 21 1940
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tình trạng gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 63/20 PHAM VĂN TRÍ - BÌNH THẠNH - HOCHIMINH CITY
(Địa chỉ tại Việt-Nam) VIỆT NAM
POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không): Yes (Có) X No (Không)
If Yes (Neu co): From (Tu): 14-6-1975 To (Den): 21-1-1982
PLACE OF RE-EDUCATION: LONG THANH CAMP AND XUYỀN MỘC CAMP
(Trại tù)
OCCUPATION (Nghề nghiệp): MAGISTRATE AT GIA DINH COURT (SAIGON)
EDUCATION IN U.S. (Du học tại Mỹ): _____
ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): _____
GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chức vụ): MAGISTRATE
1973 - 1975 Date (nam): _____
APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP): Yes (Có): X
IV Number (Số hồ sơ): 052929
No (Không): _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo): 3
(Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chỉ
LIVING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN): 63/20 Phạm Văn Trí
Bình Thạnh Hồ Chí Minh City Vietnam
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo trợ)
Nguyễn Thị Gi. Sương SANJOSE
CA
IS CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Ky): Yes (có): _____ No (Không): X
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN): SISTER
NAME & SIGNATURE: Nguyễn Hà Thanh
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Tên, Chữ ký, Địa chỉ và Điện thoại của người diện đơn này) _____
DATE: 4 10 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Năm)

6. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT : Nguyen Hi Thanh

NAME OF DEPENDENT ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP
Nguyen Thi Duc Tu	6 Oct. 1944	Wife
Nguyen Dinh Quoc	25 Aug. 1972	Son
Nguyen Dinh Dan	26 Oct. 1973	Son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION : Nguyen Thi Duc Tu was an ex-personnel of
Military Assistance Command, Vietnam, VNMA Adv.
Adv. Tin 26 | APO 96.204 in Dalat

BỘ NỘI VỤ
Trại 3T Xuyên Mộc
Số 78/GRT
(4)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

((7 LẤY RA 3 LẤY

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ NGƯỜI TỰ DO
Số 12/Chang
Kế tự ngày đến trình diện 2948

Theo thông tư số 66-BCA/TT ngày 31/5/1971 của Bộ Công an
Thi hành quyết định tha số 08 ngày 03/1/1982 của Bộ nội vụ

/)/ay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây :

Họ và tên : Nguyễn Hà Thanh
Sinh ngày : 21/2/1940
Nơi sinh : Mỹ Tho
Nơi ĐEMTT trước khi bị bắt : 63/20 Phan văn trị gia đình tp/
Hồ chí Minh .
Cao tội : Thêm phần tòa sơ thẩm tp/ Sài Gòn gia đình .
Ngày bị bắt : 10/5/1975 - án phạt : TCT
Theo quyết định số 107 ngày 27/11/1978 của Bộ nội vụ
Nay về cư trú tại trú quán trên - Quản chế 12 tháng

/)/ HẠT XÉT QUA TRÌNH CẢI TẠO

Được đưa vào trại tù tưởng còn nhiều bi quan , dao động , thiếu
tin tưởng ở chính sách khoan hồng của cách mạng , về sau bản tâm
thân đã thành tâm ăn năn hối cải , khai báo tội lỗi tương đối rõ
ràng , học tập tiếp thu nhận thức nhanh , kết quả khá , lao động
tham gia đều ngày công , song năng xuất chất lượng chỉ ở mức bình
thường . Chấp hành nội quy kỷ luật chưa có gì sai phạm lớn . Thái
độ đối với cán bộ đúng mực .

Đề nghị chính quyền địa phương tiếp tục giáo dục giúp đỡ

Lần tay ngón trở phải
Gửi : Nguyễn Hà Thanh
Định bản số : 926
Lập tại : NV15

Họ tên chữ ký
Người đưa cấp giấy

Thanh

Ngày 21 tháng 01 năm 82
Giám thị

Trưng La : Võ Cầm

Số 10/Chang
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ NGƯỜI TỰ DO
Số 12/Chang
Kế tự ngày đến trình diện 2948
Nguyễn Hà Thanh
Ngày 9 tháng 12 năm 1982
Nguyễn Văn Thanh

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA DÌNH TUONG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH LANG THANH HOA (MYTHO)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1940
(Année)

SỐ HIỆU -126-
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYEN HA THANH
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	Nam
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Lo 21 Février 1940
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Thanh hoà
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	NGUYEN VAN MAI
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Thành hoà
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	TRAN THI HUU
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Thành Hoà
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi, DUY NGHI
(Nous)

Chánh-án Tòa MYTHO
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông LE VAN CANH
(M.)

Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

Trích y bốn chánh,
(Pour extrait conforme),

MYTHO, ngày 13/6/1963
CHÁNH LỤC-SỰ.
(LE GREFFIER EN CHEF).

MYTHO, ngày 13/6/1963
CHÁNH - ÁN,
(LE PRÉSIDENT),



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TÒA SƠ-THẨM

TRÍCH-LỤC VĂN-KIỆN THỂ-VI HỘ-TỊCH LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG LỤC-SỰ
TÒA SƠ-THẨM Đalat

Đalat

PHÒNG LỤC-SỰ

Một bản chánh giấy thể vi Khai sinh
(1) Ngày 29.4.1970 cấp cho Nguyễn thị Dục Tú
cũ thể vi Khai sinh do Ông Nguyễn Bá Bào Chánh-Án Tòa BGRQ.Đalat
cho Nguyễn thị Dục Tú với tư-cách Thăm-Phán Hòa-Giải, cấp ngày 29.4.1970
(1) Số: 69/LX và đã trước-bạ;

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

1.ĐO DINH-SO . 2. NGUYEN ANH-NINH 3.. PHAM-VAN-TIEN . . .

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng :

-NGUYỄN THỊ DỤC TÚ, phái nữ, sinh ngày Sáu tháng Mười năm Một ngàn chín trăm bốn mươi bốn (06.10.1944) tại Côn Minh, tỉnh Vân Nam (Trung Hoa) con của Nguyễn Hữu Kiêm và Lê Hoa Anh./-

-Đuyên số không xin sao lục khai sinh được là vì không liên lạc được với tỉnh Vân Nam./-

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH.

Đalat ngày 22 tháng 9 năm 197 2

CHÁNH LỤC-SỰ.



ĐẠI-VĂN-THÂN

ghị 15000

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

NTT



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

QUẬN 10

PHƯỜNG III

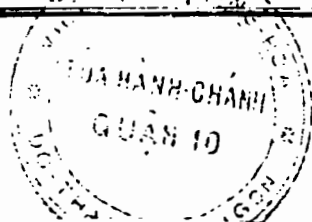
Số hiệu 471

TRÍCH-LỤC CHỨNG THƯ HÔN-THÚ

Lập ngày 14 tháng 11 năm 1972

Tên họ chồng	NGUYỄN HẢI THANH
Ngày và nơi sanh	21.2.1940 tại Thành phố Hồ Chí Minh
Tên họ cha chồng	Nguyễn Văn Mai (s) (Sống/Chết)
Tên họ mẹ chồng	Trần Thị Hòa (s) (Sống/Chết)
Tên họ vợ	NGUYỄN THỊ DỤC TỬ
Ngày và nơi sanh	6.10.1944 tại Côn Minh, Vân Nam
Tên họ cha vợ	Nguyễn Văn Kiêm (s) (Sống/Chết)
Tên họ mẹ vợ	Lý Hoa Anh (s) (Sống/Chết)
Ngày lập hôn thú	15.11.1972
Có lập hôn khế không	///

Kiểm phí



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Sài Gòn, ngày 15 tháng 8 năm 1973

TL. VIỆN CHỨC HỘ-TỊCH

[Signature]

ĐẠI-VĂN-CHÁNH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

Quận: 5

~~TRƯỜNG~~

Số hiệu: 8055

LE HI 138

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 28 tháng 8 năm 1972

TAM-6

6111

Tên họ đứa trẻ. . . .	NGUYỄN DINH QUOC
Con trai hay con gái. . .	Con
Ngày sanh.	Ngày hai mươi lăm tháng tám, năm một nghìn chín trăm bảy mươi hai, tức 15/8/72
Nơi sanh.	128, Đại Lộ Hùng Vương
Tên họ người cha. . .	NGUYỄN HỮU THAM, khai nhân con ngày 14-11-72
Tên họ người mẹ. . .	NGUYỄN THỊ ĐỨC TỬ, khai nhân con ngày 14-11-72
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	Đã được hợp pháp hôn do hôn thú lập tại Quận 10, Saigon ngày 14-11-72
Tên họ người	Đã khai thác



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 29 tháng 8 năm 1972

Viên-Chức Hộ-Tịch,

Ước

CHUYÊN-THI-NHÔNG-NHÀ
TRƯỞNG-BỘ-NHÂN-CHÍNH

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:IV # 052929POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

VEWL.# _____

I-171 : Yes ☒ NoEXIT VISA: Yes ☒ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HA THANH
Last Middle FirstCurrent Address 63/20 PHAM VAN TRI - BINH THANH HOCHIMINH CITY, VIETNAMDate of Birth FEB. 21st 1940 Place of Birth THANH HOA MY THOPrevious Occupation (before 1975) MAGISTRATE AT GIA DINH COURT (SAIGON)
(Rank & Position)TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 14th Jul 1975 To 21st JAN 1982SPONSOR'S NAME: NGUYEN THI LE SUONG
NameSAN JOSE CA
Address & Telephone

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
<u>NGUYEN VAN HAI</u> <u>SAN JOSE CA</u>	<u>BROTHER</u>
<u>THAI THANH LONG</u> <u>SAN FRANCISCO CA</u>	<u>BROTHER</u>
<u>TRAN VAN LIEM</u> <u>Watertown MASS.</u>	<u>UNCLE</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 10th APRIL 1989

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN HA THANH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyễn Thị Đức Tú	6 Oct 1944	Wife
Nguyễn Đình Quốc	25 Aug. 1972	Son
Nguyễn Đình Dân	26 Oct. 1973	Son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION : Nguyễn Thị Đức Tú was an ex-personnel of Military Assistance Command, Vietnam, VNAF Adv - Adv. Ton 26 APO 96 204 in Dalat.

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN HÀ THANH
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 2 21 1940
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____
MARRITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
Tình trạng gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 63/20 PHAN VĂN TRÍ - BÌNH THẠNH - HOCHIMINH CITY
Địa chỉ tại Việt-Nam) VIET NAM
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong).
If Yes (Neu co): From (Tu): 14-6-1975 To (Den): 21-1-1982
PLACE OF RE-EDUCATION: LONG THANH CAMP AND XUYEN MOC CAMP
MP (Trai tu)
OCCUPATION (Nghe nghiep): MAGISTRATE AT GIA DINH COURT (SAIGON)
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): _____
GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): MAGISTRATE
1973 - 1975 Date (nam): _____
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): 052929
No (Khong): _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 3
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi
RESIDING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 63/20 Phan Van Tri
Binh Thanh HOCHIMINH City Vietnam
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Nguyễn Thị Lệ Suong SANJOSE
CA
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): X
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): SISTER
NAME & SIGNATURE: Nguyễn Hà Thanh
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)
DATE: 4 10 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyễn Hà Thanh
(listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATION WITH PA
Nguyễn Thị Đức Tú	6 Oct. 1944	Wife
Nguyễn Đình Quốc	25 Aug. 1972	Son
Nguyễn Đình Dân	26 Oct. 1973	Son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION : Nguyễn Thị Đức Tú was an ex-personnel of
Military Assistance Command, Vietnam, VNMA Adv.
Adv. Tin 26 | APO 96.204 in Dalat

BỘ NỘI VỤ
Trại 3T Xuyên Mộc
Số 78/GRT
(43)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

((7 LẤY RA TRẠI

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NGƯỜI TỰ DO
Họ và tên: <u>Nguyễn Hà Thanh</u>
Ngày sinh: <u>21/2/1940</u>
Nơi sinh: <u>Kỳ Thọ</u>
Chức vụ: <u>Thợ tu sửa xe đạp</u>

Theo thông tư số 966-PCA/TT ngày 31/5/1981 của Bộ Công an 3948
Thi hành quyết định tha số 08 ngày 03/1/1982 của Bộ nội vụ

/)/ay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây :

Họ và tên: Nguyễn Hà Thanh
Sinh ngày: 21/2/1940
Nơi sinh: Kỳ Thọ
Hội ĐỒNG trước khi bị bắt : 63/20 Phan Văn Trị Gia Định tp/
Gò Chí Minh .
Cán tội: Thêm phần tòa sơ thẩm tp/ Sài Gòn gia đình .
Ngày bị bắt : 10/5/1975 - án phạt : TĐQT
Theo quyết định số 107 ngày 27/11/1978 của Bộ nội vụ
Nay về cư trú tại trú quán trên - Quản chế 12 tháng

/)/ HAY XÉT ĐUA THINH CẢI TẠO

Được dạy vào trại tù tưởng còn nhiều bi quan , dao động , thiếu
tin tưởng ở chính sách khoan hồng của cách mạng , về sau bản tâm
thân đã thành tâm ăn năn hối cải , khai báo tội lỗi tương đối rõ
ràng , học tập tiếp thu nhận thức nhanh , kết quả khá , lao động
tham gia đều ngày công song năng xuất chất lượng chỉ ở mức bình
thường . Chấp hành nội quy kỷ luật chưa có vi sai phạm lớn . Thái
độ đối với cán bộ đúng mực .

Đề nghị chính quyền địa phương tiếp tục giáo dục giúp đỡ

Lần tay ngón trở phải
Của : Nguyễn Hà Thanh
Định bản số : 926
Lập tại : NV15

Họ tên chữ ký
Người được cấp giấy

Ngày 21 tháng 01 năm 82
Chị em thị

Thanh

SỞ
CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Hà Thanh
Xét trình có số 9 năm 1982
14 tháng 9 năm 1982

Trưởng tá : Võ Cầm



Nguyễn Hà Thanh

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA DINH TUONG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH LANG THANH HOA (MYTHO)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1940
(Année)

SỐ HIỆU -126-
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYEN HA THANH
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	Nam
Sinh ngày nào. (Date de naissance)	Lo 21 Février 1940
Sinh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Thanh hoà
Tên họ cha. (Nom et prénom du père)	NGUYEN VAN MAI
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Thành hoà
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	TRAN THI HUU
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Thành Hoà
Vợ chánh hay vợ thứ. (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi, DUU NGHI
(Nous)

Chánh-án Tòa MYTHO
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông LE VAN CANH
(M.)

Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

MYTHO, ngày 13/6/1963
CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),

Trích y bốn chánh,
(Pour extrait conforme),

MYTHO, ngày 13/6/1963
CHÁNH LỤC-SỰ.
(LE GREFFIER EN CHEF),



VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

TÒA SƠ-THẨM

Dalat

PHÒNG LỤC-SỰ

TRÍCH-LỤC VĂN-KIỆN THỂ-VÌ HỘ-TỊCH LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG LỤC-SỰ

TÒA SƠ-THẨM Dalat

Một bản chánh giấy thể vì Khai sinh

(1) Ngày 29.4.1970

Cấp thể vì Khai sinh

cho Nguyễn thị Dục Tú

cấp cho

Nguyễn thị Dục Tú

do Ông Nguyễn Bá Bảo

Chánh-Án Tòa HGRQ, Dalat

với tư-cách Thẩm-Phán Hòa-Giải, cấp ngày 29.4.1970

(1) Số: 69/LX

và đã trước-ba;

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

1. ĐO DINH-SO . 2. NGUYEN ANH-NINH 3. PHAM-VAN-TIEN . . .

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ LÂM-Thời Nam-Phân Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng :

-NGUYỄN THỊ DỤC TÚ, phái nữ, sinh ngày Sáu tháng Mười năm Một ngàn chín trăm bốn mươi bốn (06.10.1944) tại Côn Minh, tỉnh Vân Nam (Trung Hoa) con của Nguyễn Hữu Kiên và Lý Hoa Anh./-

-Duyên cớ không xin sao lục khai sinh được là vì không liên lạc được với tỉnh Vân Nam./-

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH,

Dalat ngày 21 tháng 9 năm 197 2

CHÍNH LỤC-SỰ,

1/ phí 15000

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

att



Bãi-văn-Gián

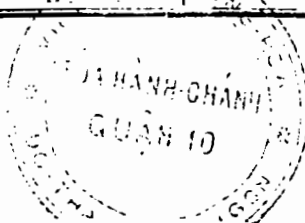
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON
QUẬN 10
PHƯỜNG III
Số hiện tại 471

Kiên phí

TRÍCH-LỤC CHỨNG THƯ HÔN-THÚ

Lập ngày 14 tháng 11 năm 1972

Tên họ chồng	NGUYỄN HẢI THANH
Ngày và nơi sanh	21.2.1940 tại Thành phố, Mỹ Tho
Tên họ cha chồng	Nguyễn Văn Mai (c) (Sống/Chết)
Tên họ mẹ chồng	Trần Thị Hòa (s) (Sống/Chết)
Tên họ vợ	NGUYỄN THỊ DỤC TỬ
Ngày và nơi sanh	6.10.1944 tại Côn Minh, Văn Nam
Tên họ cha vợ	Nguyễn Hữu Kiêm (s) (Sống/Chết)
Tên họ mẹ vợ	Lý Hoa Anh (s) (Sống/Chết)
Ngày lập hôn thú	15.11.1972
Có lập hôn khế không	///



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Sài Gòn, ngày 15 tháng 8 năm 1973

TL. VIỆN CHỨC HỘ-TỊCH

[Signature]

PHẦN VĂN CHẤM

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

Quận: 5

~~XXXX~~

Số hiệu: 8055

LE HI 158

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 28 tháng 8 năm 1972

TAM.6

6111

Tên họ đứa trẻ. . . .	NGUYEN DINH QUOC
Con trai hay con gái. . .	Con
Ngày sanh.	Ngày hai mươi lăm tháng tám, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai, hồi 15 ^h 40
Nơi sanh.	128, Đại lộ Hùng Vương
Tên họ người cha. . .	NGUYEN HA THANH, khai nhân con ngày 14-11-72
Tên họ người mẹ. . .	NGUYEN THI DUC TU, khai nhân con ngày 14-11-72
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	Đã được hợp pháp hóa ở hôn thú lập tại Quận 10, Saigon ngày 14-11-72
Tên họ người	Phan Khắc Thiệu



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 15 tháng 8 năm 1972

TU. .

Viên-Chức Hộ-Tịch,

ltor

PHAN-THI-HỒNG-HOÀ
Thư-Sự Hành-Chánh

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership (Letter) 07/17/89 -